

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số quốc gia**

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH

1. Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị tỉnh Hà Tĩnh nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với sự phát triển giàu mạnh, vượt bậc của tỉnh và quốc gia trong kỷ nguyên mới.

2. Thống nhất nhận thức, tạo quyết tâm chính trị cao nhất; ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài, công nghệ. Tạo bước chuyển mạnh mẽ về hạ tầng số, nhân lực số, hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; tập trung xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung,... phù hợp với thực tiễn tại Hà Tĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

II. YÊU CẦU

1. Bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tế của Hà Tĩnh. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ phải khả thi, lộ trình rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể, gắn với thời hạn thực hiện. Phân bổ nguồn lực phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí. Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chiến lược gắn với kết quả, sản phẩm (theo tháng, quý, năm, giai đoạn); có cơ chế, công cụ đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

2. Huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, các trường đại học và toàn xã hội đảm bảo đồng bộ, chặt chẽ, liên thông trong quá trình thực hiện. Thiết lập cơ chế phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa Trung

ương với Hà Tĩnh, giữa các cấp, các ngành, cơ quan và doanh nghiệp, cộng đồng khoa học - công nghệ, giữa khu vực công và khu vực tư, giữa trong nước và quốc tế, tránh chồng chéo, trùng lặp.

3. Thiết lập cơ chế giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả, chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết định kỳ. Công khai, minh bạch, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đi kèm với trách nhiệm giải trình. Kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài; vừa giải quyết những yêu cầu cấp bách vừa có tầm nhìn dài hạn trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước kết hợp việc huy động xã hội hóa trong đầu tư khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo.

4. Đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và phát huy tính sáng tạo của toàn xã hội; phổ biến rộng rãi mục tiêu, lộ trình, cách làm. Đảm bảo tinh thần chủ động, tư duy năng động, sáng tạo, khuyến khích Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức tham gia, đóng góp sáng kiến, nguồn lực; xây dựng phong trào thi đua nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; khuyến khích tư duy đổi mới, cách làm sáng tạo, mạnh dạn thử nghiệm các mô hình, công nghệ, giải pháp mới. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các điển hình tiêu biểu;

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế Hà Tĩnh thông qua đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số năng suất các nhân tố tổng hợp TFP trong tăng trưởng GRDP của Hà Tĩnh.

- Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, trung tâm nghiên cứu - phát triển, kết nối chặt chẽ cơ sở nghiên cứu với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan Đảng, Nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng,

từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2. Mục tiêu cụ thể (*chi tiết Phụ lục kèm theo*)

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1.1. Tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân

- Nội dung quán triệt cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW, gắn với thực tiễn của từng địa phương.

- Huy động các cơ quan báo chí của địa phương và Trung ương, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Cổng thông tin các sở/ban/ngành... để tuyên truyền phổ biến lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng kênh truyền thông chuyên biệt (cổng thông tin, bản tin, chuyên mục báo...) về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng chương trình truyền thông riêng cho từng đối tượng (cán bộ lãnh đạo; chuyên viên, doanh nghiệp, người dân...).

- Hình thức quán triệt, tuyên truyền cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.

- Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội...).

- Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

1.2. Xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, chi tiết, phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá

Kế hoạch thực hiện cần xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn (năm 2025 đến năm 2030, 2035, 2040, đến năm 2045); phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ; xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất...).

1.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

1.4. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số

- Ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.

1.5. Tăng cường kiểm tra, giám sát

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Chương trình hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Tập trung rà soát và hoàn thiện cơ chế, chính sách; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa cơ chế, chính sách thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật (quy định về lĩnh vực đất đai, đầu tư, mua sắm công, thủ tục hành chính, sở hữu trí tuệ, thuế, tín dụng...) thuộc thẩm quyền của địa phương hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.2. Xây dựng quy hoạch, chiến lược và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2025-2045, đồng bộ với quy hoạch tỉnh có tầm nhìn tới 2045, tập trung cả hệ thống

chính trị để thực hiện thành công các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, biến tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

2.3. Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao để thúc đẩy các lĩnh vực ưu tiên, thu hút tài năng, doanh nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy R&D, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao; có cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về làm việc, sinh sống tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và các doanh nghiệp trên địa bàn; Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân; đổi mới hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu.

2.4. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện chuyển giao công nghệ, sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox) có kiểm soát rủi ro; cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

2.5. Phát triển Quỹ phát triển khoa học - công nghệ tỉnh, bổ sung đối tượng, cơ chế hỗ trợ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyển đổi số, đồng thời kêu gọi xã hội hóa (hợp tác công - tư, quỹ đầu tư mạo hiểm...).

2.6. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, viện, trường; Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính; Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, startup tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

2.7. Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương; xem xét, ưu tiên các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở tại địa phương.

2.8. Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Chương trình hành động. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu, quy định và phù hợp với điều kiện của địa phương; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

3.1. Xây dựng quy hoạch, chiến lược đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng

- Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số; lồng ghép quy hoạch phát triển hạ tầng số vào quy hoạch tổng thể của tỉnh và các đơn vị hành chính cấp cơ sở.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...), có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang) đến các vùng sâu, vùng xa; nâng cấp đường truyền cho cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện.

- Xây dựng (hoặc thuê dịch vụ) trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao (nếu có quy mô đủ lớn); Xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp và khu công nghệ cao.

- Phát triển các nền tảng số dùng chung; xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số. Tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa địa phương với Trung ương. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

3.2. Triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số

Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu. Xây dựng hoặc nâng cấp Cổng dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số. Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh ở cấp tỉnh, kết nối đến cấp xã.

3.3. Ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực

- Triển khai các nền tảng số: Du lịch thông minh, nông nghiệp thông minh, giáo dục - y tế thông minh, quản trị hạ tầng, đô thị, tài nguyên, môi trường, đầu tư, tài chính, ngân sách.

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

3.4. Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số

3.5. Xây dựng chiến lược hình thành và phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển của tỉnh.

- Xây dựng hoặc nâng cấp các cơ sở nghiên cứu, vườn ươm khởi nghiệp, không gian sáng tạo; thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu.

- Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống.

3.6. Khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

- Hỗ trợ thủ tục pháp lý, văn phòng làm việc, đào tạo kỹ năng quản trị, marketing, gọi vốn, góp vốn...
- Kết nối quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần, cộng đồng cố vấn cho các dự án khởi nghiệp tại địa phương.

3.7. Nâng cao năng lực nghiên cứu

- Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết (nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục, xây dựng, quốc phòng - an ninh...).
- Tăng cường phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu trung ương, quốc tế; thúc đẩy công bố khoa học, đăng ký sở hữu trí tuệ.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

4.1. Xây dựng và triển khai chiến lược, chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao:

Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực; xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao; có chính sách ưu đãi để thu hút, giữ chân nhân tài. Cụ thể hóa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp,....

4.2. Bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo) cho lãnh đạo các cấp và cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ. Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập...

4.3. Đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của tỉnh, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường.

- Có giải pháp, lộ trình tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; triển khai mô hình trường học

thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm.

- Khuyến khích các đề tài khoa học sinh viên, thúc đẩy phong trào nghiên cứu, khởi nghiệp trong môi trường trung học phổ thông, đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp.

4.4. Tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực

Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo. Tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại doanh nghiệp. Kết nối, mời các chuyên gia, doanh nhân tham gia giảng dạy.

4.5. Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

Xây dựng cơ sở dữ liệu số tập trung, thống nhất về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

4.6. Thu hút nhân tài, chuyên gia

Ban hành chính sách đãi ngộ, hỗ trợ (nhà ở, lương thưởng, môi trường nghiên cứu và phát triển,...) để thu hút chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc tại Hà Tĩnh. Thiết lập mạng lưới chuyên gia, hiệp hội trí thức người Hà Tĩnh ở trong và ngoài nước, kết nối tri thức phục vụ Hà Tĩnh. Ban hành cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao; xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước, bảo đảm quốc phòng và an ninh

5.1. Xây dựng chiến lược 5 năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số của tỉnh và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng

- Phát triển các nền tảng số dùng chung, các cơ sở dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị tại Hà Tĩnh; đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Khai thác, ứng dụng hiệu quả các nền tảng số, hệ thống dữ liệu dùng chung của Trung ương. Tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa địa phương với Trung ương. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định. Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

5.2. Xây dựng chiến lược 5 năm triển khai các nền tảng số

- Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp....) trên nền tảng chung, tích hợp với trí tuệ nhân tạo AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; triển khai Trung tâm điều hành thông minh ở cấp tỉnh, kết nối đến cấp xã.

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: văn hóa, du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường,...

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

5.3. Tăng cường an toàn thông tin, an ninh mạng

- Xây dựng đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố về an toàn thông tin, an ninh mạng. Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu, thông tin quan trọng của tổ chức và cá nhân trong hệ thống chính trị. Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng.

- Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng. Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

- Có kế hoạch thực hiện định kỳ sao lưu dữ liệu đối với các hệ thống thông tin trọng yếu.

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ), có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn.

- Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin sản xuất tại Việt Nam.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử, logistic...).

- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

- Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp, chế biến...

- Xây dựng công thông tin hoặc sàn thương mại điện tử cấp tỉnh hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm Hà Tĩnh, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Hà Tĩnh.

- Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

- Có các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyên gia tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

- Đẩy mạnh thương mại điện tử, thúc đẩy các mô hình kinh doanh số. Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, đưa sản phẩm lên môi trường số.

- Xây dựng, ban hành chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics, vật liệu mới, văn hóa, du lịch.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung và các tỉnh thành phát triển để chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo

nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung..., phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyên gia công nghệ tiên tiến, chiến lược. Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

- Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyên gia công nghệ cao. Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu Hà Tĩnh về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ.

- Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế. Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyên gia công nghệ tiên tiến, chiến lược từ nước ngoài vào Hà Tĩnh. Khuyến khích các doanh nghiệp của Hà Tĩnh hợp tác với các đối tác nước ngoài. Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến Hà Tĩnh làm việc, hợp tác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo tỉnh

- Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thống nhất các tổ chức, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; ban hành các chiến lược, đơn đốc, phối hợp các cơ quan, đơn vị để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Chương trình hành động.

- Kịp thời đề xuất, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy các chính sách, giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

- Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm hoặc đột xuất tại các sở, ban, ngành, địa phương; chỉ đạo xử lý kịp thời những sai sót, chậm trễ.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, tổng hợp, đánh giá kết quả sau mỗi giai đoạn (3 tháng, 6 tháng, 1 năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ), báo cáo Ban Thường vụ và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương khi có yêu cầu.

2. Trách nhiệm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

- Chỉ đạo Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ban đảng, các cấp ủy trực thuộc trong việc quán triệt, triển khai hiệu quả Chương trình hành động; định kỳ

nghe Ban Chỉ đạo báo cáo về tiến độ, kết quả, những vấn đề nổi cộm liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư, Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ.

- Quyết định các vấn đề quan trọng, chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có sự thay đổi lớn về bối cảnh (chính sách, công nghệ, điều kiện kinh tế - xã hội..); xem xét, cho ý kiến về cơ chế đặc thù, chính sách khuyến khích, cân đối nguồn lực đầu tư cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để kiểm tra, giám sát; xử lý tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện Chương trình hành động.

- Trực tiếp chỉ đạo việc khen thưởng, biểu dương điển hình, xử lý sai phạm (nếu có) trong quá trình triển khai.

3. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng trực thuộc

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể phù hợp với điều kiện của địa phương, đơn vị dựa trên Chương trình hành động chung; quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên, Nhân dân.

- Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp (ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân) cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại địa bàn (phát triển hạ tầng số, huy động nguồn lực, đào tạo nhân lực...).

- Định kỳ báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện; khó khăn, kiến nghị cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh; khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo, các ban đảng cấp trên chỉ ra.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết ở cấp cơ sở; định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm: Đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp tiếp tục triển khai Nghị quyết có hiệu quả.

- Tạo cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

4. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy

- Văn phòng Tỉnh ủy: Thực hiện vai trò Thường trực Ban Chỉ đạo, kiện toàn tổ chức bộ máy; tham mưu, trình Ban Chỉ đạo: Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo của tỉnh; Quyết định thành lập Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo¹; các kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, phân công rõ trách nhiệm cho các sở, ngành,

¹ Theo mô hình Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo Trung ương.

cấp cơ sở,...bổ trí nhân sự có trình độ năng lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với Phòng Chuyên đổi số - Cơ yếu; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại tỉnh theo giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 2045, trình Ban Chỉ đạo ban hành, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Chỉ đạo và theo Quy chế làm việc của tỉnh ủy; bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ đột phá, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tham mưu bố trí phù hợp đối với cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp. Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng các cấp, nhất là chính sách trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy: Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW; hướng dẫn công tác tuyên truyền của các cấp ủy đảng, chính quyền và hệ thống chính trị, trên báo chí, mạng xã hội.

- Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy: Phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, phát hiện và xử lý vi phạm, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy.

- Ban Nội chính: Theo dõi, tổng hợp tình hình, nghiên cứu đề xuất giải pháp đấu tranh với sai phạm trong triển khai các dự án khoa học, công nghệ.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Điều hành Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 đảm bảo hoạt động hiệu quả, thiết thực. Cụ thể hóa nội dung Chương trình hành động: Căn cứ Chương trình hành động của Tỉnh ủy, các chiến lược phát triển của Ban Chỉ đạo, chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, xây dựng các đề án, dự án triển khai cụ thể về: Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực; chuyển đổi số trong doanh nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, du lịch, y tế, văn hoá, giáo dục,... phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phân kỳ thực hiện (theo năm, giai đoạn 5 năm), phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới

sáng tạo và chuyển đổi số; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân cấp dưới triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, huy động nguồn lực: Ban hành hoặc đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách: thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên ngân sách, khuyến khích đối tác công tư, quỹ đầu tư mạo hiểm... Tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

- Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết: Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo và Thường trực Tỉnh ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

6. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Ban hành cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Chương trình hành động. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu cho phép thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ.

7. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể

- Tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và Nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW; Chương trình hành động này và Kế hoạch của UBND tỉnh.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua.

- Tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện, tham gia góp ý xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng

tạo và chuyển đổi số; kịp thời phản ánh những khó khăn, bất cập lên Ban Chỉ đạo tỉnh.

- Phát huy vai trò của Tổ chuyên đổi số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

8. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

- Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ ngân sách chi cho hoạt động khoa học - công nghệ, phát triển chuyên đổi số và nguồn đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

- Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

9. Chương trình này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Chương trình số 40-CTr/TU, ngày 14/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương,
 - Các ban Đảng, UBKT Trung ương,
 - Văn phòng Trung ương Đảng,
 - Các ban Đảng, UBKT, Văn phòng Tỉnh ủy,
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
 - Các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc,
 - Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.
- } (báo cáo)

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nguyễn Duy Lâm

PHỤ LỤC
Mục tiêu cụ thể

(Kèm theo Chương trình Hành động số 42 -CTr/TU, ngày 10 tháng 4 năm 2025)

TT	Chỉ tiêu	Phân đầu theo từng giai đoạn				
		Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	≥ 50%	100%	6G (50%)	6G (80%)	6G (100%)
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.	≥ 50%	100%	100%	100%	100%
3	Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống	Có	Có	Có	Có	Có
4	Xây dựng đô thị thông minh tại các phường có đủ điều kiện	0	6 phường	60%	100%	100%
5	Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Hà Tĩnh	0	01	01	01	01
6	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử	65%	≥ 90%	≥ 98%	≥ 98%	≥ 98%
7	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	90%	≥ 95%	≥ 98%	≥ 98%	≥ 98%
8	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	26	≤ 20	≤ 18	15	15
9	Tỷ lệ chi ngân sách Hà Tĩnh chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	≥ 1,0%	≥ 1,5%	≥ 2%	≥ 2,5%	≥ 3%
10	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	đạt 2% GRDP	đạt 3% GRDP	đạt 3% GRDP	đạt 3% GRDP	đạt 3% GRDP
11	Cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	≥ 80%	100%	100%	100%	100%
12	Cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	100%	100%	100%	100%	100%
13	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	80%	100%	100%	100%	100%
14	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	80%	90%	95%	97%	99%
15	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	07	≥ 12	≥ 20	≥ 33	≥ 54

16	Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc có tiềm năng là doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn	≥ 08	≥ 15	≥ 25	≥ 40	≥ 60
17	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được đưa vào quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập của tỉnh	≥ 06	≥ 07	≥ 08	≥ 09	≥ 10
18	Công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.	≥ 20	≥ 40	≥ 80	≥ 120	≥ 160
19	Số cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh (người)	≥ 300	≥ 600	≥ 1200	≥ 2000	≥ 3000
20	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai mỗi năm	≥ 25	≥ 50	≥ 80	≥ 120	≥ 160
21	Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu mỗi năm.	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 75\%$	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$
22	Số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả về phần mềm và giống cây trồng)/năm	≥ 03	≥ 05	≥ 10	≥ 20	≥ 30
23	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.	$\geq 10\%$	$\geq 25\%$	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 80\%$
24	Số bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI)/năm	≥ 5	≥ 15	≥ 30	≥ 50	≥ 80
25	Số công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực mỗi năm	≥ 1	≥ 3	≥ 5	≥ 8	≥ 10
26	Số trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm ở tỉnh thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.	0	1	3	5	10
27	Trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc đổi mới sáng tạo của Hà Tĩnh đạt uy tín trong khu vực	0	01	01	02	03
28	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trong số đó có 10% doanh nghiệp công nghệ số nội địa vươn tầm khu vực, một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi	0	≥ 1	≥ 5	≥ 10	≥ 15
29	Tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và quốc gia	2	≥ 10	≥ 12	≥ 15	≥ 20
30	Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.	ứng dụng	ứng dụng	ứng dụng	ứng dụng	ứng dụng

31	Số dự án khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh/năm	≥ 30	≥ 50	≥ 70	≥ 90	≥ 100
32	Trung tâm đổi mới sáng tạo trọng điểm ở tỉnh thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư	0	01	01	01-02	02-03
33	Số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	≥ 10	≥ 20	≥ 30	≥ 40	≥ 50
34	Số vườn ươm/khu làm việc chung/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	≥ 02	≥ 03	≥ 05	≥ 07	≥ 10
35	Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.	$\geq 15\%$	$\geq 25\%$	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 80\%$
36	Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam duy trì chỉ số phát triển con người (HDI)	0,7	$\geq 0,7$	$\geq 0,7$	$\geq 0,7$	$\geq 0,7$
37	Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	60%	>60%	>65%	>70%	>70%
38	Số sản phẩm/dịch vụ đổi mới sáng tạo được thương mại hóa mỗi năm	≥ 10	≥ 20	≥ 30	≥ 40	≥ 50
39	Số dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm	≥ 10	≥ 30	≥ 60	≥ 100	≥ 150
40	Số sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, bản quyền phần mềm, giống cây trồng có địa chỉ tại tỉnh mỗi năm	≥ 05	≥ 10	≥ 20	≥ 50	≥ 80
41	Số bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo mỗi năm	≥ 10	≥ 30	≥ 70	≥ 120	≥ 180
42	Doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.	$\geq 10\%$	$\geq 25\%$	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 80\%$
43	Sáng kiến trong khu vực công được công nhận mỗi năm	≥ 30	≥ 70	≥ 120	≥ 180	≥ 250
44	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	35%	40% – 50%	$\geq 55\%$	$\geq 55\%$	$\geq 55\%$
45	Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao và trưng đương trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu	(* ²)	>30%	>35%	>40%	>50%
46	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh	≥ 0.60	≥ 0.68	≥ 0.7	≥ 0.72	0.75

² Chưa xác định

47	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và Hà Tĩnh, giữa các cấp chính quyền	Có \geq 70%	100%	100%	100%	100%
48	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	Có 100%	100%	100%	100%	100%
49	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện "phi tiếp xúc".	Có \geq 70%	100%	100%	100%	100%
50	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	75%	$\geq 80\%$	$\geq 90\%$	$\geq 95\%$	$\geq 95\%$
51	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử					
51.1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	70%	$\geq 80\%$	$\geq 90\%$	95%	$\geq 95\%$
51.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	90%	$>95\%$	100%	100%	100%
51.3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	95%	100%	100%	100%	100%
51.4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	95%	100%	100%	100%	100%
51.5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	75%	80%	$\geq 95\%$	$\geq 95\%$	$\geq 95\%$
51.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	75%	80%	100%	100%	100%
51.7	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	80%	90%	100%	100%	100%
51.8	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	80%	100%	100%	100%	100%
51.9	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	100%	100%	100%	100%	100%
52	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	Có \geq 70%	100	100%	100%	100%
53	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	Có \geq 80%	100%	100%	100%	100%

54	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	Có \geq 70%	Có \geq 85%	Có \geq 95%	Có \geq 95%	100%
55	Tỷ lệ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	Có \geq 40%	Có \geq 70%	Có \geq 90%	100%	100%
56	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.	Có \geq 50%	Có \geq 80%	100%	100%	100%
57	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.	Có \geq 60%	Có \geq 85%	100%	100%	100%
58	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân	0,05	0,1	0,2	0,5	1
59	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ Hà Tĩnh ứng dụng công nghệ số	Có \geq 30%	Có \geq 60%	Có \geq 85%	Có \geq 95%	100%
60	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) ³ ;	Có \geq 60% (* ⁴)	Có \geq 80%	Có \geq 90%	100%	100%
	Tỷ lệ người dân có chữ ký số		\geq 10%	= 20%	=30%	= 40%
61	Tỷ lệ Đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	Có \geq 60%	Có \geq 90%	100%	100%	100%
62	Ứng dụng thương mại điện tử. Quy mô kinh tế số	15% GRDP	20% GRDP	30% GRDP	45% GRDP	50% GRDP
63	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	25	23	20	18	\leq 17

³ Áp dụng đối với số công dân đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh

⁴ Năm 2025 tính tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)